

Bản án số: 162/2017/DS-PT.

Ngày: 19-9-2017.

V/v: T/c nợ hui và vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hương;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Hương;

Ông Lê Lâm Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Khánh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2017/TLPT-DS ngày 03 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp nợ hui và vay tài sản.

Do bản án sơ thẩm số: 19/2017/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2017/QĐPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Mỹ D, sinh năm: 1969 (có mặt);

Bà Trần Thị T, sinh năm: 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị L, sinh năm: 1981 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Đường C, khu phố A, thị trấn B, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phù Hồng Q, sinh năm: 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Đường C, khu phố A, thị trấn B, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phù Hồng

Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Trần Mỹ D trình bày:

Ngày 19/7/2014 (âm lịch) bà cho bà L mượn 50.000.000 đồng, bà L có ký giấy nhận tiền. Ngày 10/8/2014 (âm lịch) bà L tham gia 02 chân hội, loại hội 2.000.000 đồng, 10 ngày mở hội 01 lần, đây hội này có 37 người tham gia, bà L hót đầu tiên, bà L đóng hội chết được 11 lần, còn nợ 26 lần chưa đóng là $26 \times 4.000.000$ đồng = 104.000.000 đồng, sau đó bà L bỏ trốn khỏi địa phương, bà đến nhà thì ông Q chồng bà L hứa sẽ bán nhà trả nợ, bà tin tưởng chờ đợi, đến khi bà L quay về thì cố tình lẩn tránh. Nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu bà L, ông Q trả một lần tiền vay 50.000.000 đồng và tiền hội 104.000.000 đồng, tổng cộng là 154.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

- Nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Năm 2012 bà cho bà L vay 100.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, bà L nói vay tiền để mua nệm, ga nệm cho nhà nghỉ E, khoảng 5, 6 tháng sau bà L vay tiếp 80.000.000 đồng nói để mua đồ sử dụng cho nhà nghỉ, lãi suất vay cũng là 3%/tháng, mỗi lần vay bà L đều viết biên nhận nợ, được khoảng 02 tháng bà kêu bà L trả lại 80.000.000 đồng để đưa chồng bà đi mổ tim, bà L nói tiền đã đầu tư vào nhà nghỉ hết nên nhờ bà vô dùm một chân hội tháng 5.000.000 đồng, đây hội có 26 người tham gia, bà L hót đầu tiên, khi hót hội bà L trả cho bà 80.000.000 đồng tiền vay, bà đã trả lại 02 biên nhận nợ trước, bà L viết lại biên nhận nợ 100.000.000 đồng ngày 11/02/2013. Sau đó bà L có đóng hội chết hàng tháng, còn lại 04 lần không đóng là 20.000.000 đồng. Trong thời gian vay tiền bà L có đóng tiền lãi khoảng 20.000.000 đồng. Khi bà L bế nợ bỏ trốn bà đến nhà gặp ông Q có hứa để thêm thời gian ông bán nhà trả nợ, đến khi bà L quay về thì cố tình lẩn tránh. Nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu bà L, ông Q trả một lần tiền vay 100.000.000 đồng và tiền hội 20.000.000 đồng, tổng cộng là 120.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn bà Huỳnh Thị L trình bày:

Bà có tham gia hội của bà D từ năm 2004, tham gia nhiều loại hội 5.000.000 đồng, 2.000.000 đồng, cứ mỗi đây hội này thì tiếp tục tham gia đây hội khác và bà cũng vay tiền bà D nhiều lần, vay xong rồi trả. Bà thừa nhận ngày 19/7/2014 (âm lịch) bà có vay của bà D 50.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, bà có ký biên nhận nợ ngày 19/7/2014, nhưng trong biên nhận không để lãi suất, bà đóng tiền lãi được bốn tháng, đến ngày 10/8/2014 (âm lịch) bà tham gia 02 chân hội 2.000.000 đồng/10 ngày, đây hội có 37 người tham gia bà hót đầu tiên, sau khi hót hội bà đóng hội chết được 11 lần, nợ lại 26 lần chưa đóng là $26 \times 4.000.000$ đồng = 104.000.000 đồng và 50.000.000 đồng tiền vay, tổng cộng bà nợ bà D 154.000.000 đồng. Đối với tiền lãi bà đóng cho bà D không có biên nhận hay giấy tờ gì chứng minh và bà cũng không yêu cầu tính lại tiền lãi.

- Năm 2012 bà có vay tiền và nợ tiền hội của bà T tổng cộng là 120.000.000 đồng như bà T trình bày. Việc đóng tiền lãi cho bà T là tự nguyện thỏa thuận giữa các bên nên bà không yêu cầu Tòa án tính lại. Đối với số tiền nợ

của bà D, bà T bà chịu trách nhiệm trả, còn ông Q có trách nhiệm trả nợ cùng bà hay không thì do ông Q quyết định, ông Q không biết việc bà vay tiền và tham gia hội của bà D, bà T, bà lấy tiền đầu tư vào shop mua quần áo về bán và đóng tiền lãi cho khoản vay trước. Bà xin bà D, bà T cho thêm thời gian để trả nợ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phù Hồng Q trình bày:

Ông không biết cũng không tham gia giao dịch vay mượn tiền hay tiền hội giữa bà L với bà D, bà T. Ông không đồng ý chịu trách nhiệm cùng bà L trả nợ cho bà D, bà T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2017/DS-ST ngày 04/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Mỹ D, bà Trần Thị T đối với bà Huỳnh Thị L và ông Phù Hồng Q.

2. Buộc bà Huỳnh Thị L và ông Phù Hồng Q phải trả cho bà Trần Mỹ D 50.000.000 đồng tiền vay và 104.000.000 đồng tiền hội, tổng cộng là 154.000.000 đồng. Trả cho bà Trần Thị T 100.000.000 đồng tiền vay và 20.000.000 đồng tiền hội, tổng cộng là 120.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 09/5/2017 ông Phù Hồng Q có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm:

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, vì ông không liên quan đến khoản nợ của bà L, ông không sử dụng số tiền này vì ông có thu nhập khá cao từ nguồn lương và kinh doanh nhà nghỉ, bà L cũng không sử dụng số tiền này vào mục đích chung cho gia đình. Mặt khác, giữa ông và bà L đã ly thân từ năm 2011, nên ông không đồng ý chịu trách nhiệm cùng bà L trả nợ cho bà D, bà T.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Phù Hồng Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, bà D đối với bà L, ông Q là có căn cứ. Số tiền bà L vay nợ và tham gia hội dùng để kinh doanh shop quần áo nhằm mục đích lo cho gia đình, cũng như mua sắm đồ đạc cho nhà nghỉ E. Ông Q và bà L hiện nay là vợ chồng. Việc ông Q cho

rằng không biết và không giao dịch vay nợ tiền hay tham gia hụi với bà D, bà T nên không có trách nhiệm trả nợ là không phù hợp. Tòa án sơ thẩm buộc trách nhiệm liên đới của ông Q cùng bà L trả nợ cho bà D, bà T là có căn cứ, việc ông Q kháng cáo không đồng ý liên đới trả nợ là không có cơ sở xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 19 ngày 04/04/2017 của TAND huyện P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn bà Huỳnh Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà L đều thừa nhận còn nợ bà D số tiền 154.000.000 đồng và nợ bà T 120.000.000 đồng, việc thừa nhận nợ của bà L là phù hợp chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Giữa bà D, bà T và bà L đều thống nhất với nhau về số nợ vay và nợ hụi nêu trên, nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét kháng cáo của ông Phù Hồng Q không đồng ý liên đới cùng bà L trả số tiền nêu trên cho bà D và bà T, thấy rằng: Tại thời điểm bà L thực hiện các giao dịch vay tiền và nợ hụi của bà D, bà T (năm 2013 -2014) thì quan hệ hôn nhân giữa ông Q và bà L vẫn tồn tại (đăng ký kết hôn từ năm 2004), theo ông Q trình bày thì hai vợ chồng vẫn sống chung cùng một nhà. Ông Q thừa nhận sau khi bà L bỏ trốn, bà D và bà T có đến nhà gặp ông, hai bên cũng có trao đổi liên quan đến số tiền bà L nợ bà D, bà T. Như vậy, lý do ông Q cho rằng từ năm 2011 ông và bà L đã ly thân, mỗi người tự kinh doanh riêng nên bà L phải tự chịu trách nhiệm với khoản nợ từ hoạt động kinh doanh của mình là không có căn cứ xem xét. Bởi lẽ, mục đích vay tiền của bà L là để kinh doanh shop quần áo, nhằm phục vụ chung cho gia đình và làm tăng khối tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Ngoài ra, ông Q cho rằng bà L vay tiền là để trả cho khoản nợ của ông Phạm Văn F là không phù hợp, vì thời điểm bà L vay tiền và nợ hụi của bà D và bà T (tháng 12/2013 và các tháng 7, 8/2014) đều trước và cùng thời điểm vay tiền của ông F (tháng 7, 8/2014) nên không có việc lấy số tiền vay của bà D, bà T trả cho ông F được vì chưa đến thời hạn thanh toán cho ông F.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Q cũng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh mục đích sử dụng nguồn tiền nêu trên là của cá

nhân bà L. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc trách nhiệm liên đới của ông Q cùng bà L trả cho bà D, bà T số tiền nợ vay và nợ hui là phù hợp quy định tại Điều 25, 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi, bổ sung năm 2010, nên kháng cáo của ông Q là không có căn cứ để xem xét.

Tuy nhiên, trong phần nhận định của bản án sơ thẩm đã nhận định về trách nhiệm trả nợ của ông Q và bà L là trách nhiệm liên đới nhưng tại phần quyết định của bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm không tuyên buộc trách nhiệm liên đới của ông Q và bà L là có thiếu sót, cấp phúc thẩm cần sửa nội dung này cho phù hợp quy định pháp luật và tính chất của vụ án.

Đồng thời, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp nợ hui và nợ vay giữa bà D, bà T với bà L là không đúng quy định pháp luật. Vì giao dịch nợ hui và nợ vay đã được thực hiện xong trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, do đó phải áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết giao dịch nêu trên. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm cần thiết sửa căn cứ pháp luật cho phù hợp.

Từ những phân tích và nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Phù Hồng Q. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2017/DS-ST ngày 04/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện P như nhận định nêu trên.

*** Về án phí:**

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị L và ông Phù Hồng Q phải liên đới nộp án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn tổng cộng 274.000.000 đồng x 5% = 13.700.000 đồng.

Bà Trần Mỹ D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.850.000 đồng.

Bà Trần Thị T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.000.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên ông Phù Hồng Q không phải chịu án phí, ông Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471, 474, 476, 479 Bộ luật dân sự năm 2005;

Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hui, biếu, phòùng; Điều 25, 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi, bổ sung năm 2010;

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Phù Hồng Q.
- Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2017/DS-ST ngày 04/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Xử:

1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Mỹ D, bà Trần Thị T đối với bà Huỳnh Thị L và ông Phù Hồng Q.

2]. Buộc bà Huỳnh Thị L và ông Phù Hồng Q phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Mỹ D tổng số tiền nợ hụi và nợ vay là 154.000.000 (*Một trăm năm mươi bốn triệu*) đồng.

3]. Buộc bà Huỳnh Thị L và ông Phù Hồng Q phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị T tổng số tiền nợ hụi và nợ vay là 120.000.000 (*Một trăm hai mươi triệu*) đồng.

Kể từ ngày người yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành chậm trả số tiền nêu trên thì người phải thi hành còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

*** Về án phí:**

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc bà Huỳnh Thị L và ông Phù Hồng Q phải liên đới nộp án phí có giá ngạch là 13.700.000 (*Mười ba triệu bảy trăm nghìn*) đồng.

+ Bà Trần Mỹ D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.850.000 (*Ba triệu tám trăm năm mươi nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền số 0000767 ngày 15/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

+ Bà Trần Thị T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.000.000 (*Ba triệu*) đồng theo biên lai thu tiền số 0000768 ngày 15/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phù Hồng Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền số 0003953 ngày 15/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (19/9/2017).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Hoàng Thị Thu Hương

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Lâm Sơn Nguyễn Thị Kim Hương

Hoàng Thị Thu Hương

